

## BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

### 1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: Công ty TNHH GPX Việt Nam
- 1.2. Địa chỉ: 29/23 Đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- 1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô 2 bánh /~~Xe gắn máy 2 bánh~~/loại xe khác<sup>(+)</sup>:
- 1.4. Nhân hiệu: HONDA
- 1.5. Tên thương mại: CB150 VERZA
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): B5D02M29M3 M/T
- 1.7. Số giấy chứng nhận<sup>(2)</sup>: 20KXM/205525
- 1.8. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 3020/NETC-M/19/C, ngày 12/07/2019

### 2. Thông số kỹ thuật của Xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 129 (kg)
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 259 (kg)
- 2.3. Động cơ
  - 2.3.1. Kiểu động cơ: KC02E Loại động cơ: Xăng, 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng không khí.
  - 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 149,15 cm<sup>3</sup>.
  - 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 9,59kW/ 8500rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: ~~Chế hòa khí~~/ phun nhiên liệu/~~khác~~<sup>(1)</sup>
- 2.5. Hộp số
  - 2.5.1. Điều khiển: Cơ khí/~~Tự động~~<sup>(1)</sup>
  - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: 5 cấp
  - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số: 3,076/ 1,944/ 1,409/ 1,120/ 0,937
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 2,928.
- 2.7. Lốp
  - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 80/100-17M/C, áp suất lốp: kPa.
  - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 100/90-17M/C, áp suất lốp: kPa.



2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: km/h.

**3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu**

3.1. Chu trình thử: TCVN 7357:2010/~~TCVN 7358:2010~~/~~TCVN 9726:2013~~.<sup>(1)</sup>

3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 1,835 lít/100 km

**4. Mẫu nhãn năng lượng công khai**



**5. Ghi chú (nếu có):**

.....

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2020*

Công ty TNHH GPX Việt Nam



**PHÓ GIÁM ĐỐC  
ĐẶNG HÙNG DŨNG**

Ghi chú:

*(1) Gạch ngang phần không áp dụng.*

*(2) Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại*

*Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm*